

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÌN HỒ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10/ 4 /2025
Về việc: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Ngoãn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tản Phàn Pao.

Bà Lò Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chảo Hồ Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ tham gia phiên tòa: bà Lê Ngọc Trang - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số: 11/2024/TLST- HN&GD ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc: “ Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Điều Thị S, sinh ngày: 02/7/1996; Địa chỉ: bản Ch N, xã Ch N, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; mặt có.

2. Bị đơn: anh Lường Văn L, sinh ngày: 25/9/1993; Địa chỉ: bản N C, xã Ch N, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Điều Thị S, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Điều Thị S và anh Lường Văn L sau một thời gian tìm hiểu, đã đăng ký kết hôn vào ngày 29/11/2013 tại UBND xã Chăn Nưa, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, cưỡng ép hôn nhân. Thời gian đầu vợ chồng anh chị sống với nhau hòa thuận và hạnh phúc, đến khoảng tháng 12 năm 2022 thì vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cách sống, quan điểm sống của vợ chồng anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên không còn tình cảm với nhau nữa, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp nên vợ chồng anh chị sống ly thân cho đến nay. Mâu thuẫn

giữa chị S và anh L đã được gia đình hai bên nội ngoại hòa giải nhưng không thể hòa thuận được với nhau. Kể từ khi chị S và anh L ly thân cho đến nay, chị S và anh L không ai còn quan tâm, chăm sóc nhau và không điện thoại để liên lạc với nhau nữa. Đến nay chị S nhận thấy không còn tình cảm với anh Lương Văn L nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Điều Thị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn L.

Về con chung: chị Điều Thị S và anh Lương Văn L, có 01 con chung: cháu Lương Văn Nhiệm, sinh ngày 13/11/2013. Sau khi ly hôn, chị S và anh L, tự thỏa thuận: anh Lương Văn L sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Lương Văn Nhiệm, cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; về cấp dưỡng nuôi con chung: chị S và anh L tự thỏa thuận về phần cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, khoản nợ chung: chị S và anh L không có tài sản chung, khoản nợ vay chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh, vào ngày 04/11/2024, ông Lò Văn Điệp, Công an xã Chăn Nưa, cho biết: anh Lương Văn L, sinh năm 1993, cư trú tại bản N C, xã Ch N, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Hiện nay không có mặt tại địa phương, qua năm bắt được biết anh L đi làm ăn (xây dựng) tại huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu, anh L thỉnh thoảng có về thăm gia đình và cháu Lương Văn Nhiệm. Về tình trạng hôn nhân: anh L và chị Điều Thị S hiện nay đã ly thân và có 01 con chung tên là Lương Văn Nhiệm; về tài sản: anh L và chị S không có tài sản chung và khoản nợ vay chung.

Biên bản xác minh, ngày 03/01/2025 bà Lò Thị Thuyết (mẹ đẻ anh Lương Văn L) cho biết: chị Điều Thị S và anh Lương Văn L, đăng ký kết hôn vào ngày 29/11/2013 tại UBND xã Chăn Nưa, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2021 thì hai vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do con dâu đi ngoại tình với người đàn ông khác ở trong bản. Kể từ khi gia đình biết con dâu đưa người đàn ông ngủ tại giường của của hai vợ chồng nên con dâu xấu hổ và bỏ gia đình nhà chồng đi về nhà bố mẹ đẻ cho đến nay. Đối với con trai là Lương Văn L, kể từ khi chị S bỏ đi, con trai bà đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà thăm bố mẹ và cháu Lương Văn Nhiệm. Về con chung: anh Lương Văn L và chị Điều Thị S, có 01 con chung là cháu Lương Văn Nh , sinh ngày 13/11/2013. Hiện đang sinh sống cùng với anh L và ông bà nội. Sau khi ly hôn, nguyện vọng anh L là muốn nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lương Văn Nhiệm, cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Về cấp dưỡng anh L không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, khoản nợ chung: anh L và chị S không có tài sản chung, khoản nợ chung nào. Hiện nay anh L không ở nhà, đi làm ăn xa. Anh L không nói là làm ở đâu, gia đình liên lạc qua điện thoại, thỉnh thoảng anh L vẫn về thăm gia đình vài hôm rồi lại đi làm. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án có giao giấy triệu tập, thông báo hòa giải, bà Lò Thị Th đều giao lại cho Lương Văn L, khi

anh L nhận được văn bản tố tụng của Tòa án anh L không nói gì, chỉ nói là Điều Thị S tự làm đơn thì tự lên Tòa án giải quyết, anh Lương Văn L không lên.

Tại biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên là cháu Lương Văn Nh , sinh ngày sinh ngày 13/11/2013, cháu trình bày: Hiện cháu học lớp 6A1, trường trung học cơ sở xã Ch N , huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Đến nay cháu mới biết mẹ cháu làm đơn gửi Tòa án để ly hôn bố cháu. Mẹ cháu bỏ bố cháu và cháu, đi từ năm 2021, thỉnh thoảng mới về thăm cháu. Hiện nay Cháu đang ở với bố và ông bà nội, nguyện vọng của Cháu muốn ở với bố cháu, vì mẹ Cháu bỏ cháu từ lâu và bố cháu luôn quan tâm đến việc học tập của cháu hơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chị Điều Thị S, kể từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của bị đơn anh Lương Văn L không đầy đủ theo quy định. Tại phiên tòa ngày 12/3/2025, bị đơn là anh Lương Văn L vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Nguyên đơn là chị Điều Thị S có mặt tại phiên tòa, bị đơn anh Lương Văn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về áp dụng pháp luật hôn nhân và gia đình: Ngày 29/11/2013, chị Điều Thị S và anh Lương Văn L đăng ký kết hôn tại UBND xã Chăn Nưa, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết”*. Tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân giữa chị Điều Thị S và anh Lương Văn L thì Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đang có hiệu lực pháp luật, do vậy áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

2. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 246, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 85, Điều 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Điều Thị S, xử cho chị Điều Thị S được ly hôn với anh Lường Văn L. Quan hệ hôn nhân giữa chị Điều Thị S và anh Lường Văn L, chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: chị Điều Thị S và anh Lường Văn L, có một con chung là cháu Lường Văn Nhi, sinh ngày 13/11/2013. Sau khi ly hôn, chị S và anh L, tự thỏa thuận: anh Lường Văn L sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Lường Văn Nh, cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị S và anh L tự thỏa thuận về phần cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyện vọng của cháu Nh và ý kiến của chị, vì hiện nay chị S đi làm công nhân tại Bắc Ninh, thỉnh thoảng có việc mới về nên không đảm bảo cho việc nuôi con chung. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ vào Điều 92 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao cháu Lường Văn Nhi, sinh ngày 13/11/2013 cho Lường Văn L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lường Văn Nh cho đến khi cháu Nh trưởng thành (đủ 18) tuổi và có khả năng lao động, là có cơ sở. Chị S có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở thực hiện quyền này. Anh Lường Văn L không yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về tài sản chung; khoản nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn là chị Điều Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Điều Thị S có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị Điều Thị S và anh Lường Văn L. Chị S, địa chỉ tại bản Ch N, xã Ch N và anh L, có địa chỉ tại bản N C, xã Ch N, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho chị Điều Thị S và anh Lường Văn L, theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm

nay, nguyên đơn chị Điều Thị S có mặt; bị đơn là anh Lương Văn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: chị Điều Thị S và anh Lương Văn L kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn, vào ngày 29/11/2013 tại UBND xã Chăn Nưa, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31, cấp ngày 29/11/2013. Do đó, Hội đồng xét xử, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Điều Thị S và anh Lương Văn L là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị Điều Thị S và anh Lương Văn L hoà thuận, hạnh phúc, đến khoảng tháng 12 năm 2022 thì vợ, chồng anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cách sống, quan điểm sống của vợ chồng anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên không còn tình cảm với nhau nữa, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp nên vợ chồng anh chị sống ly thân cho đến nay. Tình cảm vợ, chồng giữa chị Điều Thị S và anh Lương Văn L không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị Điều Thị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn L, để chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xét thấy anh Lương Văn L không có thiện chí hợp tác, không có yêu cầu phản tố, không đưa ra được các chứng cứ, biện pháp gì để cải thiện đời sống chung của vợ chồng. Hiện nay vợ, chồng chị vẫn đang sống ly thân, không liên lạc và không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ chị Điều Thị S và anh Lương Văn L, chung sống với nhau mà không có hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị Điều Thị S vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn L. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 85, 89, 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Điều Thị S, cho chị Điều Thị S được ly hôn với anh Lương Văn L.

[3]. *Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: chị Điều Thị S và anh Lương Văn L, có một con chung là cháu Lương Văn Nhiệm, sinh ngày 13/11/2013. Sau khi ly hôn, chị S và anh L, tự thỏa thuận: anh Lương Văn L sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Lương Văn Nh , cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị S và anh L tự thỏa thuận về phần cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Lương Văn L không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do và anh Lương Văn L không có ý kiến gì về con chung. Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Điều Thị S vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét nguyện vọng của cháu Lương Văn Nh và ý kiến của chị S, vì hiện nay chị S đi làm công nhân tại Bắc Ninh, thỉnh thoảng có việc mới về nên không đảm

bảo cho việc nuôi con chung. Hiện nay cháu Nhiệm đã quen với điều kiện, môi trường sống và được anh L và ông bà nội nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo trong điều kiện tốt nhất và cháu Nh đã quen với điều kiện, môi trường sống tại gia đình anh L. Để không ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu Nh và đảm bảo quyền lợi chính đáng cho con chung của anh chị, sau khi ly hôn được phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần cũng như theo nguyện của cháu Nhiệm và chị S là để anh Lương Văn L là người được chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là cháu Lương Văn Nh, cho đến khi cháu Nh trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Vì vậy, Hội đồng xét xử, căn cứ vào Điều 92 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao cháu Lương Văn Nhiệm cho anh Lương Văn L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nhiệm, cho đến khi cháu, trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng: anh L không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết. Chị Điều Thị S được quyền đi lại, thăm nom con chung, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

[4]. Về tài sản chung; về khoản nợ chung: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn là chị Điều Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị Điều Thị S đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai ký hiệu: BLTU/23; số 0000647, ngày 01/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, chị Điều Thị S đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 85, 89, 91, 92, 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Điều Thị S.

Về quan hệ hôn nhân: Chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa chị Điều Thị S và anh Lương Văn L, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31, ngày 29/11/2013 và (trích lục

kết hôn, 50/2023/TLKS-BS ngày 06/12/2023) do Ủy ban nhân dân xã Chấn Nura, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, cấp. Quan hệ hôn nhân giữa chị Điều Thị S và anh Lường Văn L, chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Lường Văn Nh , sinh ngày 13/11/2013 cho anh Lường Văn L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu, trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng: anh Lường Văn L không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết. Chị Điều Thị S, là người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: chị Điều Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và gia đình sơ thẩm. Tiền án phí chị Điều Thị S phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị S đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai ký hiệu: BLTU/23; số 0000647, ngày 01/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, chị Điều Thị S đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Điều Thị S có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Lường Văn L vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- Các đương sự;
- UBND xã Chấn N ;
- Chi cục THADS huyện Sìn Hồ;
- Lưu hồ sơ - TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Ngoãn